

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn, được thành lập theo Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chuyển đổi Công ty xổ số kiến thiết An Giang thành Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600190393, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 8 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 30 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : 0296.3852420
- Fax : 0296.3857906

Công ty có Văn phòng đại diện – Trạm phát hành vé số kiến thiết An Giang đặt tại địa chỉ số 152 Kỳ Con, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Kinh doanh các loại hình xổ số và các ngành nghề có liên quan đến xổ số.

Chủ tịch, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Chủ tịch, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Chủ tịch

Chủ tịch của Công ty là Ông Trần Văn Lắm (bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2018).

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Công Thọ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2019
Ông Trần Đình Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2019
Ông Đình Việt Luân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2019

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Trung Dũng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018
Ông Lê Cẩm Bình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2018
Ông Ngô Vũ Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2018
Ông Trình Bảo Châu	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2019
Bà Lưu Thị Huỳnh Phượng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Văn Lắm – Chủ tịch Công ty (bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc 

Võ Trung Dũng
Giám đốc

Ngày 19 tháng 01 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 4.0008/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 15 tháng 01 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

Nguyễn Hữu Nghi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3132-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 19 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.305.034.642.787	1.278.295.504.282
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	256.162.522.791	318.578.268.930
1. Tiền	111		46.162.522.791	44.914.090.930
2. Các khoản tương đương tiền	112		210.000.000.000	273.664.178.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		762.058.600.000	711.460.831.500
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2a	762.058.600.000	711.460.831.500
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		281.064.818.670	241.564.059.004
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	253.778.103.037	217.698.119.983
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	180.080.854	276.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	136	V.5	36.142.764.635	32.626.068.877
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(9.036.129.856)	(9.036.129.856)
IV. Hàng tồn kho	140		4.664.333.073	5.389.757.520
1. Hàng tồn kho	141	V.7	4.664.333.073	5.389.757.520
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.084.368.253	1.302.587.328
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.064.368.253	1.266.587.328
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	20.000.000	36.000.000

CONG TY TNHH MTV XÃ SƠ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.651.600.297	18.857.789.799
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.724.756.794	3.204.321.696
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.112.036.365	1.484.681.267
- Nguyên giá	222		11.555.695.512	10.594.251.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.443.659.147)	(9.109.569.881)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.612.720.429	1.719.640.429
- Nguyên giá	228		1.987.083.800	1.987.083.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(374.363.371)	(267.443.371)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31.206.725.000	11.678.431.250
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.2b	31.206.725.000	31.206.725.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(19.528.293.750)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.720.118.503	3.975.036.853
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.720.118.503	3.975.036.853
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.342.686.243.084	1.297.153.294.081

CONG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		842.686.243.084	797.153.294.081
I. Nợ ngắn hạn	310		842.686.243.084	797.153.294.081
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	162.820.000
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	82.727.272	251.909.089
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	684.427.926.691	645.931.062.332
5. Phải trả người lao động	315	V.14	5.571.975.629	5.687.339.129
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	1.461.564.504	1.626.522.943
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	V.16	146.649.685.800	139.644.759.900
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	4.492.363.188	3.848.880.688
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-

CONG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		500.000.000.000	500.000.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410		500.000.000.000	500.000.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18a	500.000.000.000	500.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
9. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.18a	-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.342.686.243.084	1.297.153.294.081

CÁC CHI TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Vé xổ số nhận bán hộ		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.19a	2.519.664.587	2.519.664.587
5. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		2.044.934.280	2.079.081.826
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp	V.19b	346.055.088.500	313.640.680.000
7. Ngoại tệ các loại		-	-
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		100.000.000.000	100.000.000.000

An Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2021


Lê Thành Trí
Người lập


Lưu Thị Huỳnh Phượng
Kế toán trưởng


Võ Trung Dũng
Giám đốc



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

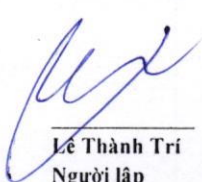
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	VI.1	4.443.929.872.681	4.231.659.390.932
1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		4.443.929.872.681	4.231.659.390.932
1.1.1 Xổ số truyền thống	01.1.1		4.443.929.872.681	4.231.659.390.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	579.643.027.176	551.955.572.771
2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		579.643.027.176	551.955.572.771
2.1.1 Xổ số truyền thống	02.1.1		579.643.027.176	551.955.572.771
3. Doanh thu thuần	10		3.864.286.845.505	3.679.703.818.161
3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		3.864.286.845.505	3.679.703.818.161
3.1.1 Xổ số truyền thống	10.1.1		3.864.286.845.505	3.679.703.818.161
4. Chi phí kinh doanh	11	VI.3	3.078.206.976.283	2.981.509.892.420
4.1 Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		3.078.206.976.283	2.981.509.892.420
4.1.1 Chi phí trả thưởng	11.1.1		2.303.141.300.000	2.241.089.300.000
4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		775.065.676.283	740.420.592.420
5. Lợi nhuận gộp	20		786.079.869.222	698.193.925.741
5.1 Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		786.079.869.222	698.193.925.741
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	45.149.298.037	47.806.870.975
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	(19.528.293.750)	(108.675.000)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	42.977.422.254	30.466.344.610
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	42.655.083.128	40.820.247.340
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		765.124.955.627	674.822.879.766
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1.040.372.140	5.957.889.062
12. Chi phí khác	32	VI.9	198.240.000	230.021.030
13. Lợi nhuận khác	40		842.132.140	5.727.868.032
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		765.967.087.767	680.550.747.798
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	153.668.658.063	136.710.825.572
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		612.298.429.704	543.839.922.226

An Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2021


Lê Thành Trí
Người lập


Lưu Thị Huỳnh Phượng
Kế toán trưởng


Võ Trung Dũng
Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.852.200.876.946	4.644.175.685.276
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.062.936.720.867)	(2.937.025.073.190)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.220.813.500)	(24.862.836.500)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	(133.652.012.867)	(169.046.233.247)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		333.826.250.426	344.754.226.054
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.397.024.071.266)	(1.398.031.528.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		566.193.508.872	459.964.240.063
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(1.089.536.364)	(1.157.680.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.350.000	5.164.150.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(776.085.844.000)	(709.756.995.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		725.488.075.500	732.896.888.500
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.632.622.079	55.868.877.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.052.332.785)	83.015.240.570

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

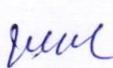
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18c	(618.556.922.226)	(604.883.702.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(618.556.922.226)	(604.883.702.012)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(62.415.746.139)	(61.904.221.379)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	318.578.268.930	380.482.490.309
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	256.162.522.791	318.578.268.930

An Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2021


Lê Thành Trí
Người lập

Lưu Thị Huỳnh Phượng
Kế toán trưởng
Võ Trung Dũng
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xổ số kiến thiết.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các loại hình xổ số.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 68 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 65 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết, cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn

Khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến không quá 12 tháng kể từ ngày đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, vé xổ số: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ

CÔNG TY TNHH MTV XÃ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo Công văn số 4995/VPUBND-KTTH ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	06-08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập khi doanh nghiệp xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Mức trích lập được xác lập như sau: $DP_{tt} = DT \times TL_{kh} - TT_{tt}$

Trong đó:

- DP_{tt} : Mức trích lập dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TL_{kh} : Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TT_{tt} : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không quá 03% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong năm vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu (nộp vào Ngân sách Nhà nước) sau khi trích lập các quỹ theo các quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

Phần lợi nhuận sau khi trích quỹ được ghi nhận là khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước.

13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh cùng kỳ tiêu thụ vé số được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Ghi nhận chi phí tiền lương theo quy định:

- Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2020 được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 và của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2016 về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, đối với người quản lý Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2020 được xác định tuân thủ theo hướng dẫn của Chính phủ tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 và của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ tiền lương năm 2020 của Công ty được tạm tính theo các quy định trên và có thể sẽ được điều chỉnh tùy theo kết quả phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	75.875.525	56.123.671
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	46.086.647.266	44.857.967.259
Các khoản tương đương tiền (*)	210.000.000.000	273.664.178.000
Cộng	256.162.522.791	318.578.268.930

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng	762.058.600.000	762.058.600.000	711.460.831.500	711.460.831.500
Cộng	762.058.600.000	762.058.600.000	711.460.831.500	711.460.831.500

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang ⁽ⁱ⁾	30.706.725.000	-	30.706.725.000	(19.528.293.750)
Công ty Cổ phần Phát Tài ⁽ⁱⁱ⁾	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	31.206.725.000	-	31.206.725.000	(19.528.293.750)

(i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.018.750 cổ phiếu tương đương 8,63% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 50.000 cổ phiếu tương đương 2,76% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát Tài.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư đó do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	19.528.293.750	19.636.968.750
Hoàn nhập dự phòng	(19.528.293.750)	(108.675.000)
Số cuối năm	-	19.528.293.750

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác		
Bà Lê Thị Quyển	21.635.152.000	19.737.851.693
Ông Nguyễn Hoàng Anh	22.869.539.000	19.847.743.840
Các khách hàng khác	209.273.412.037	178.112.524.450
Cộng	253.778.103.037	217.698.119.983

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Quảng cáo và Tổ chức Sự kiện Ngân Thông	-	231.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Thêu may Giày An Phước	65.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	115.080.854	45.000.000
Cộng	180.080.854	276.000.000

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hầu - Phải thu khác	9.030.150.000	(9.030.150.000)	9.030.150.000	(9.030.150.000)
Lãi dự thu các khoản đầu tư tài chính	27.112.594.835	-	23.595.918.877	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.800	-	-	-
Cộng	36.142.764.635	(9.030.150.000)	32.626.068.877	(9.030.150.000)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hầu - Phải thu khác	Trên 03 năm	9.030.150.000	-	Trên 03 năm	9.030.150.000	-
Ông Âu Minh Sang - Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	5.979.856	-	Trên 03 năm	5.979.856	-
Cộng		9.036.129.856	-		9.036.129.856	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.036.129.856	9.036.129.856
Số cuối năm	9.036.129.856	9.036.129.856

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.376.892.891	-	2.480.550.842	-
Hàng hóa	676.433.182	-	972.744.905	-
Vé xổ số	1.611.007.000	-	1.936.461.773	-
Cộng	4.664.333.073	-	5.389.757.520	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	184.404.937	73.502.884
Chi phí in lịch	826.760.000	877.504.545
Chi phí đồng phục cán bộ nhân viên	-	260.000.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	53.203.316	55.579.899
Cộng	1.064.368.253	1.266.587.328

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	218.805.283	576.662.144
Tiền thuê đất trả trước	1.665.601.940	2.451.300.000
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	756.207.140	797.108.046
Các chi phí trả trước dài hạn khác	79.504.140	149.966.663
Cộng	2.720.118.503	3.975.036.853

9. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản nhân viên tạm ứng.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.626.610.324	937.939.326	3.229.039.090	800.662.408	10.594.251.148
Mua trong năm	-	-	1.047.809.091	41.727.273	1.089.536.364
Thanh lý, nhượng bán	-	(128.092.000)	-	-	(128.092.000)
Số cuối năm	5.626.610.324	809.847.326	4.276.848.181	842.389.681	11.555.695.512
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.980.010.324	475.238.235	3.229.039.090	377.582.408	7.061.870.057
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.882.064.741	634.443.976	3.200.011.316	393.049.848	9.109.569.881
Khấu hao trong năm	113.268.000	65.224.848	198.029.240	85.659.178	462.181.266
Thanh lý, nhượng bán	-	(128.092.000)	-	-	(128.092.000)
Số cuối năm	4.995.332.741	571.576.824	3.398.040.556	478.709.026	9.443.659.147
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	744.545.583	303.495.350	29.027.774	407.612.560	1.484.681.267
Số cuối năm	631.277.583	238.270.502	878.807.625	363.680.655	2.112.036.365
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.250.810.000	736.273.800	1.987.083.800
Số cuối năm	1.250.810.000	736.273.800	1.987.083.800
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	201.673.800	201.673.800

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm kế toán	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	267.443.371	267.443.371
Khấu hao trong năm	-	106.920.000	106.920.000
Số cuối năm	-	374.363.371	374.363.371
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.250.810.000	468.830.429	1.719.640.429
Số cuối năm	1.250.810.000	361.910.429	1.612.720.429

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác		
Các khách hàng khác	82.727.272	251.909.089
Cộng	82.727.272	251.909.089

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	32.702.389.827	441.125.861.478	(429.086.855.286)	44.741.396.019
Thuế tiêu thụ đặc biệt	42.494.009.886	579.643.027.176	(563.152.097.106)	58.984.939.956
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.230.595.443	153.668.658.063	(133.652.012.867)	50.247.240.639
Lợi nhuận còn lại phải nộp				
Ngân sách	528.556.922.226	606.672.804.704	(618.556.922.226)	516.672.804.704
Thuế thu nhập cá nhân	11.947.144.950	158.765.059.059	(156.930.658.636)	13.781.545.373
Thuế nhà đất	-	3.703.430	(3.703.430)	-
Tiền thuê đất	-	211.630.080	(211.630.080)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	645.931.062.332	1.940.093.743.990	(1.901.596.879.631)	684.427.926.691

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh xổ số truyền thống với thuế suất 15%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	765.967.087.767	680.550.747.798
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	706.837.000	41.108.560
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	766.673.924.767	680.591.856.358

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập được miễn thuế	(60.037.000)	(512.849.500)
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	766.613.887.767	680.079.006.858
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	153.322.777.553	136.015.801.372
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	345.880.510	695.024.200
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	153.668.658.063	136.710.825.572

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Lợi nhuận còn lại phải nộp Ngân sách

Công ty nộp lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế và trích các quỹ cho Ngân sách Nhà nước.

Tiền thuê đất

Công ty nộp theo thông báo của Cục thuế tỉnh An Giang.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	5.571.975.629	5.687.339.129
Cộng	5.571.975.629	5.687.339.129

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các khoản đóng góp xã hội của cán bộ công nhân viên	84.805.000	338.810.000
Thu hộ mở hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn cho đại lý	876.869.230	1.121.112.943
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	499.890.274	166.600.000
Cộng	1.461.564.504	1.626.522.943

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Dự phòng rủi ro trả thưởng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	139.644.759.900	129.652.209.000
Số trích lập trong năm	7.004.925.900	9.992.550.900
Số cuối năm	146.649.685.800	139.644.759.900

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng/giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.966.610.875	2.957.100.000	(3.014.058.000)	60.727.500	1.970.380.375
Quỹ phúc lợi	1.431.008.813	1.971.400.000	(1.387.895.000)	-	2.014.513.813
Quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	451.261.000	697.125.000	(580.189.500)	(60.727.500)	507.469.000
Cộng	3.848.880.688	5.625.625.000	(4.982.142.500)	-	4.492.363.188

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	543.839.922.226	543.839.922.226
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	(5.283.000.000)	(5.283.000.000)
Trích nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(538.556.922.226)	(538.556.922.226)
Số dư cuối năm trước	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	-	500.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	612.298.429.704	612.298.429.704
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	(5.625.625.000)	(5.625.625.000)
Trích nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(606.672.804.704)	(606.672.804.704)
Số dư cuối năm nay	500.000.000.000	-	500.000.000.000

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 500.000.000.000 VND.

18c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 4.928.500.000
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	: 697.125.000
• Lợi nhuận còn lại nộp về Ngân sách	: 606.672.804.704

Và trong năm, Công ty đã nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách số tiền là 618.556.922.226 VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**19a. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Nguyên nhân xóa sổ
Ông Vương Kim Sự	283.580.012	283.580.012	Không có khả năng trả nợ.
Ông Nguyễn Ngọc Ảnh	274.822.742	274.822.742	Không có khả năng trả nợ.

CÔNG TY TNHH MTV XÃ SỞ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	
Ông Lê Văn Cường	395.194.000	395.194.000	Không có khả năng trả nợ.
Các đối tượng khác	1.566.067.833	1.566.067.833	Không có khả năng trả nợ.
Cộng	<u>2.519.664.587</u>	<u>2.519.664.587</u>	

19b. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp

Là giá trị các sổ tiết kiệm nhận thế chấp của Đại lý.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	4.443.929.872.681	4.231.659.390.932
Cộng	<u>4.443.929.872.681</u>	<u>4.231.659.390.932</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch doanh thu với các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế tiêu thụ đặc biệt kinh doanh xổ số truyền thống	579.643.027.176	551.955.572.771
Cộng	<u>579.643.027.176</u>	<u>551.955.572.771</u>

3. Chi phí kinh doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí trả thưởng	2.303.141.300.000	2.241.089.300.000
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	775.065.676.283	740.420.592.420
Cộng	<u>3.078.206.976.283</u>	<u>2.981.509.892.420</u>

(*) Trong đó, chi phí trực tiếp phát hành xổ số gồm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hoa hồng đại lý	733.242.129.000	698.219.260.500
Chi phí ủy quyền trả thưởng	2.313.668.600	2.224.261.000
Chi phí phục vụ xổ số	843.441.000	845.740.816
Chi phí quay số mở thưởng, giám sát khác	797.288.917	775.703.323
Chi phí chống số đề	163.250.000	109.400.000
Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng (vé số truyền thống)	7.004.925.900	9.992.550.900
Chi phí công in giấy	28.747.791.049	27.137.130.427
Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	1.893.181.817	1.056.545.454
Chi phí đóng góp cho Hội đồng xổ số khu vực	60.000.000	60.000.000
Cộng	<u>775.065.676.283</u>	<u>740.420.592.420</u>

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	44.778.176.072	46.637.459.514
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	311.084.965	656.561.961
Cổ tức được chia	60.037.000	512.849.500
Cộng	45.149.298.037	47.806.870.975

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(19.528.293.750)	(108.675.000)
Cộng	(19.528.293.750)	(108.675.000)

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí truyền quảng cáo	4.517.727.707	4.815.590.406
Chi phí tài trợ	38.459.694.547	25.650.754.204
Cộng	42.977.422.254	30.466.344.610

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	27.680.405.235	25.854.611.710
Chi phí đồ dùng văn phòng	695.926.129	659.612.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	569.101.266	581.797.615
Thuế, phí và lệ phí	218.333.510	268.111.479
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.244.107.813	1.257.631.677
Các chi phí khác	12.247.209.175	12.198.482.599
Cộng	42.655.083.128	40.820.247.340

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.350.000	4.621.086.363
Thu tiền bán giấy vụn	465.825.226	442.492.918
Thu từ hoạt động hủy vé hộ các Công ty xổ số	261.590.908	251.227.273
Thu tiền từ dịch vụ cung cấp kết quả xổ số	305.181.816	607.454.546
Thu nhập khác	5.424.190	35.627.962
Cộng	1.040.372.140	5.957.889.062

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí hủy vé ế	198.240.000	214.800.000
Chi phí khác	-	15.221.030
Cộng	198.240.000	230.021.030

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT AN GIANG

Địa chỉ: Số 64C Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch, các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

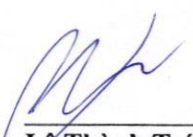
Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

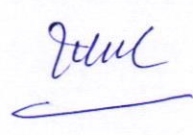
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	5.286.000.000	4.976.000.000
Tiền thưởng	660.750.000	608.270.000
Cộng	5.946.750.000	5.584.270.000

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Lê Thành Trí
Người lập


Lưu Thị Huỳnh Phượng
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2021


Võ Trung Dũng
Giám đốc